

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 18-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Đoàn Đức Tr, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1990, tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị H; vợ là: Hoàng Thúy H và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 04-12-2019, đến ngày 12-12-2019, chuyển tạm giam; có mặt.

2. Phạm Văn Tr1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1990, tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị X; vợ là: Đoàn Thị T và có 02 con; tiền án: 01, Bản án số 74/2019/HS-ST ngày 26-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 26/2011/HSST ngày 13-7-2011 của Tòa án nhân dân quận D Kinh, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích), Bản án số 10/2015/HSST ngày 03-4-2015 của Tòa án nhân dân quận D Kinh, thành phố

Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 04-12-2019, đến ngày 12-12-2019, chuyển tạm giam; có mặt.

3. Phạm Văn L, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1990, tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Đỗ Thị N; vợ là: Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 04-12-2019, đến ngày 12-12-2019, chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L:* Ông Hoàng Mạnh Hùng - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Hoàng Mạnh Hùng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H; vắng mặt;
2. Anh Đoàn Văn H1; vắng mặt;
3. Anh Phùng Hải D; vắng mặt;
4. Anh Dương Ngọc P; vắng mặt;
5. Anh Phạm Đức T; vắng mặt;
6. Anh Vũ Khắc L; vắng mặt;
7. Anh Ngô Quang C; vắng mặt;
8. Anh Ngô Đăng H2; vắng mặt;
9. Chị Đỗ Thị H3; vắng mặt;
10. Chị Bàn Thị L1; vắng mặt;
11. Chị Đặng Thị P1; vắng mặt;
12. Chị Nguyễn Thị S; vắng mặt;
13. Chị Lê Thị P2; vắng mặt;
14. Chị Cẩm Thị H3; vắng mặt;
15. Chị Đỗ Thu H4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 03-12-2019, Đoàn Đức Tr, Phạm Văn Tr1, Phạm Văn L, Đoàn Văn H, Phạm Đức T, Phùng Hải D, Nguyễn Văn H1, Ngô Văn C, Đoàn Cao N (là em trai của Tr) và một số người bạn của N tổ chức ăn sinh nhật N tại quán Đ ở phường M, quận Đ. Sau khi ăn uống xong, tất cả rủ nhau đi hát Karaoke tại phòng VIP 3, tầng 1 quán Karaoke Bảo Khánh ở tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Tại đây, T gọi điện thoại rủ

bạn là Vũ Khắc L đến chinh nhạc, còn Bàn Thị L1 và Đặng Thị P1 là hai người bạn trong nhóm của N tự đến tham gia hát karaoke.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì N say rượu nên được một số người bạn đưa về trước, lúc này Tr nói “Thu tiền để thanh toán cho những người về, còn ai ở lại hát tiếp thì tính tiền sau”; thấy vậy H, L, H1, P mỗi người đưa cho Tr 500.000 đồng, Tr bỏ ra 600.000 đồng, hai người bạn của N là G và V bỏ ra 1.500.000 đồng rồi Tr đứng ra thanh toán tiền tại quầy lễ tân. Sau đó, vì muốn tiếp tục nghe nhạc và sử dụng ma túy nên Tr nói “Ai về thì về, ai ở lại chơi tiếp thì lên tầng hai”. Lúc này có Tr, Tr1, L, H, H1, C, T, D, P, L, L1, P1 và cùng một số nhân viên nữ của quán Bảo Khánh là Đỗ Thị H3, Nguyễn Thị S, Lê Thị P2, Cầm Thị H3, Đỗ Thu H4 vào phòng VIP 5, tầng 2 quán Bảo Khánh.

Một lúc sau, vì không có tiền để mua ma túy về sử dụng nên Đoàn Đức Tr đứng trong phòng VIP 5 quán Bảo Khánh nói với mọi người “Ai còn tiền thì đóng tiền chơi tiếp” và “góp tiền để mua đồ”. Thấy vậy, Tr1 đưa cho Tr 2.000.000 đồng, **L đưa cho Tr 1.500.000 đồng**, P đưa cho Tr 700.000 đồng, H đưa cho Tr 700.000 đồng, D đưa cho Tr 400.000 đồng, H1 đưa cho Tr 3.000.000 đồng và Tr bỏ ra 100.000 đồng, tổng số tiền là 8.400.000 đồng Tr cầm rồi đưa cho L và nói “Bạn đi lấy đồ cho tôi tổ chức sinh nhật” thì L hiểu là đi mua ma túy về mọi người cùng sử dụng.

L cầm tiền rồi sử dụng điện thoại di động gọi cho người tên Huy (đã lưu sẵn tên trong danh bạ, không rõ nhân thân lai lịch) để hỏi mua ma túy thì người này nói sẽ có người gọi cho L, đồng thời cho L số điện thoại của người bán ma túy là 0372.148.090. Một lúc sau chưa thấy ai gọi điện đến nên L đã dùng số điện thoại di động của mình là 0976.541.222 gọi cho số máy 0372.148.090 thì có tiếng người đàn ông không quen biết hỏi “em muốn lấy đồ hả?” thì L nói “có 8.400.000 đồng mua Kẹo và Ke thì lấy được bao nhiêu?”, người đàn ông này nói “được 10 cái Kẹo và 3 gam Ke”. Sau đó, L và người này hẹn nhau nhận ma túy và giao tiền tại ngõ vào quán Bảo Khánh ở tổ dân phố T, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Khoảng 10 phút sau, người đàn ông này đi xe ô tô màu đen (không rõ biển kiểm soát) đến điểm hẹn, đưa cho L 01 vỏ bao thuốc lá Vinataba bên trong đựng ma túy “Ketamine” và “MDMA”, rồi L đưa cho người này 8.400.000 đồng.

L cầm vỏ bao thuốc lá đựng ma túy lên phòng VIP 5 đưa cho Tr, Tr đổ ra lòng bàn tay thấy có 01 túi nilon đựng ma túy “MDMA”, 03 túi nilon đựng ma túy “Ketamine” rồi Tr tự sử dụng ma túy “MDMA” và trực tiếp mời Tr1, H, H1, L, C cùng sử dụng ma túy “MDMA”. Đối với 3 gam ma túy “Ketamine”, Tr1 đổ ra đĩa sứ rồi sử dụng thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel mài tán nhuyễn số ma túy này và chia thành nhiều đường thẳng nhỏ để mọi người dễ sử dụng bằng cách hít qua đường mũi. Tr1 tự sử dụng ma túy “Ketamine” rồi Tr1 cầm đĩa sứ đựng ma túy trực tiếp mời Tr, L, H, P, D, H1 cùng sử dụng. Số ma túy “MDMA” và “Ketamine” còn lại, Tr, Tr1, L để trên mặt bàn trong phòng hát, mọi người trong phòng tự sử dụng.

Hồi 01 giờ 30 phút, ngày 04-12-2019, trong lúc cả nhóm đang hát và sử dụng ma túy tại phòng hát VIP 5, tầng 2 quán karaoke Bảo Khánh thì bị Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang, thu giữ:

- Tại mặt bàn trong phòng hát: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel;

- Tại mặt ghế trong phòng hát: 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy Ketamine (mẫu số 1);

- Dưới nền trong phòng hát 02 viên nén màu vàng nghi là ma túy tổng hợp (mẫu số 2) và 01 vỏ bao thuốc lá Vinataba bên trong có 01 điều thuốc cuộn chứa thảo mộc khô vụn;

- Trong túi quần của Ngô Quang C: 01 điều thuốc cuộn chứa thảo mộc khô vụn (C khai nhận điều thuốc trong vỏ bao thuốc lá và điều thuốc trong túi quần là ma túy Cần sa (mẫu số 3), C cất giấu để sử dụng cho bản thân);

- 02 điện thoại di động của Phạm Văn L (01 NOKIA và 01 Iphone 7 Plus).

Tại phòng hát VIP 5 quán Bảo Khánh, bản thân Tr, Tr1, L không đe dọa, ép buộc, xúi giục, dụ dỗ, lôi kéo, ngăn cản hoặc đặt điều kiện nào khác để những người còn lại sử dụng ma túy.

Mục đích góp tiền tại phòng VIP 5, tầng 2 quán Bảo Khánh được xác định: Đoàn Đức Tr thừa nhận không giải thích với mọi người việc góp tiền để đi mua ma túy và cũng không có ai hỏi Tr mục đích việc góp tiền. Phạm Văn L không thừa nhận việc đưa cho Tr 1.500.000 đồng để góp tiền mua ma túy mà chỉ thừa nhận có góp tiền cho Tr để trả tiền hát ở phòng VIP 3 tầng 1. Phạm Văn Tr1 thừa nhận việc đưa cho Tr 2.000.000 đồng để góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. Đối với Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn H, D Ngọc P, Phùng Hải D đưa tiền cho Tr để trả tiền hát, không biết và không bàn bạc việc góp tiền để mua ma túy cùng sử dụng.

Quá trình điều tra đã làm rõ việc sử dụng ma túy trong phòng VIP 5 quán Bảo Khánh: T, L và P1 được mời sử dụng ma túy nhưng không rõ người mời là ai. T, H4, L1, Đỗ Thị H3, Cẩm Thị H3 tự sử dụng ma túy để sẵn trên bàn. Huy, P2, S không sử dụng loại ma túy nào (riêng P2 và S khai trước đó hai ngày P2, S có sử dụng ma túy MDMA tại vũ trường trong Tr tâm thành phố Hải Phòng với bạn quen biết xã hội, không rõ nhân thân lai lịch).

Kết luận giám định số 595/KLGD ngày 09-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng của mẫu số 1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,78 gam, là loại: Ketamine. 02 viên nén màu vàng của mẫu số 2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,68 gam, là loại: MDMA. Thảo mộc khô vụn của mẫu số 3 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,61 gam, là loại: Cần sa. Mẫu nước tiểu ghi tên: Đoàn Đức Tr, Phạm Văn Tr1, Phạm Văn L, Đoàn Văn H, Phạm Đức T, Phùng Hải D, Nguyễn Văn H1, Đỗ Thị H3, Bàn Thị L1, Lê Thị P2, Cẩm Thị H3, Đỗ **Thu** H4, Vũ Khắc L gửi giám định đều tìm thấy các chất ma túy, loại Ketamine và MDMA. Hai mẫu nước tiểu của D Ngọc P và Đặng Thị P1 đều tìm thấy chất ma túy, loại

Ketamine. Mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị S tìm thấy chất ma túy, loại MDMA. Mẫu nước tiểu của Ngô Quang C tìm thấy chất ma túy, loại MDMA, Ketamine và hoạt chất cây Cần sa. Mẫu nước tiểu của Ngô Đăng Huy không tìm thấy thành phần các chất ma túy.

Bản Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 10-8-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Tr, Tr1, L về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc bị truy tố, xét xử các bị cáo là không sai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Vào hồi 01 giờ 30 phút, ngày 04-12-2019, các bị cáo đã có hành vi tổ chức cho Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn H, Phùng Hải D, D Ngọc P, Ngô Quang C, Phạm Đức T, Vũ Khắc L, Đỗ Thị H3, Bàn Thị L1, Đặng Thị P1, Cầm Thị H3, Đỗ Thu H4 sử dụng trái phép chất ma túy Ketamine và MDMA. Do đó, Viện Kiểm sát giữ N bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo Tr là người khởi xướng việc đóng góp tiền mua ma túy về sử dụng nên đóng vai trò đầu vụ, phải chịu trách nhiệm cao hơn hai bị cáo còn lại.

Bị cáo Tr và bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Tr1 có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ tháng 9-2010 đến tháng 01-2012 nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo Tr1 có 02 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện nhân thân xấu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Đức Tr từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr1 từ 07 năm 03 tháng đến 07

năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của Bản án số 74/2019/HS-ST ngày 26-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo còn nhiều khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ, các bị cáo không có công việc ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn H1 NOKIA, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn H1 Iphone 7 Plus, màu đen.

Về án phí, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L vắng mặt nhưng có gửi bài bào chữa cho bị cáo như sau:

Thứ nhất, về tình tiết định khung hình phạt. Sau khi mua ma túy, L đã đưa ma túy cho Tr, sau đó Tr1 pha chế để cùng Tr và L sử dụng. Việc Tr và Tr1 mời ai sử dụng ma túy thì L không biết vì ngay khi lên phòng L đã ngủ do say rượu. Trong trường hợp này, cả 3 bị cáo cùng nhau sử dụng ma túy với vai trò khác nhau của mỗi bị cáo (tự tổ chức cho nhau cùng sử dụng). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết định khung đối với bị cáo L tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Thứ hai, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên không tranh luận với người bào chữa của bị cáo L về các tình tiết giảm nhẹ mà chỉ tranh luận về tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo như sau: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo L biết và thừa nhận việc cầm tiền, L1 lặt mua ma túy với mục đích cho mọi người trong phòng cùng sử dụng. Số ma túy còn lại, bị cáo thừa nhận mọi người trong phòng được tự sử dụng, không ép buộc, không đặt điều kiện để những người khác được sử dụng ma túy. Do đó, lập luận của người bào chữa cho bị cáo L là không có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Hồi 01 giờ 30 phút, ngày 04-12-2019, tại phòng VIP 5, tầng 2 quán Karaoke Bảo Khánh ở tổ dân phố Tr Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Đoàn Đức Tr, Phạm Văn Tr1, Phạm Văn L đã có hành vi tổ chức cho Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn H, Phùng Hải D, D Ngọc P, Ngô Quang C, Phạm Đức T, Vũ Khắc L, Đỗ Thị H3, Bàn Thị L1, Đặng Thị P1, Cầm Thị H3, Đỗ Thu H4 sử dụng trái phép chất ma túy Ketamine và MDMA.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác, làm trật tự an toàn xã hội và tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến nhiều loại tội phạm khác.

[4] Vì vậy, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của các bị cáo Tr, Tr1, L đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[5] Các bị cáo Tr, Tr1, L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng tham gia tổ chức cho những người khác sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công công việc cụ thể. Trong vụ án này, bị cáo Tr là người đề xuất việc đóng góp tiền để mua ma túy về sử dụng, trực tiếp thu tiền của những người khác và mời những người khác cùng sử dụng ma túy; bị cáo Tr1 là người trực tiếp mài tán nhuyễn ma túy Ketamine, chia thành nhiều đường

thăng nhỏ và mời người khác cùng sử dụng; bị cáo L là người trực tiếp đi mua ma túy. Bị cáo Tr đóng vai trò đầu vụ, Tr1 và L có vai trò như nhau và thấp hơn Tr.

[6] Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L **đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L. Hội đồng xét xử xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L đã thừa nhận mục đích mua ma túy là để mọi người trong phòng cùng sử dụng; đối với số ma túy còn lại, nếu không bị bắt giữ, bị cáo và những người khác sẽ cùng sử dụng hết. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.**

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Tr và bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Tr1 có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ tháng 9-2010 đến tháng 01-2012 nên chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] *Về nhân thân:* Năm 2011 và năm 2015 bị cáo Tr1 bị Tòa án nhân dân quận D Kinh, thành phố Hải Phòng kết án về tội Đánh bạc, 02 tiền án này đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án tại Bản án hình sơ thẩm số 74/2019/HS-ST ngày 26-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Đánh bạc, bị cáo chưa thi hành bản án này thì phạm tội mới nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu hình phạt của lần phạm tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt của Bản án hình sơ thẩm số 74/2019/HS-ST theo quy định tại khoản 2 Điều 56 và điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[10] *Về hình phạt:* Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo mặc dù nhận thức được tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì không kiểm soát được bản thân, ham vui, nên các bị cáo đã phạm tội, mục đích của các bị cáo chỉ là tổ chức cho vui, chứ không nhằm mục đích gì khác. Do đó cần xử phạt các bị cáo một mức án đủ để răn đe trừng trị, đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai phạm, lỗi lầm của mình. Trong vụ án này bị cáo Tr là đầu vụ có vai trò cao hơn L và Tr1. Tuy nhiên, Tr1 là người có nhân thân xấu có 03 tiền án (trong đó có 02 tiền án đã được xóa án tích) nên Tr và Tr1 sẽ phải chịu mức hình phạt tương đương nhau, còn L chỉ cần xử phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

[11] 01 (một) phong bì niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel thu giữ tại phòng VIP5 quán Karaoke Bảo Khánh là công cụ, P tiện phạm tội, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] 01 điện thoại di động nhãn H1 NOKIA, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn H1 Iphone 7 Plus, màu đen thu giữ của bị cáo L, là P tiện bị cáo L dùng để L1 lạc, mua ma túy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về các vấn đề khác:

[13] Về số ma túy Ketamine và MDMA thu giữ được, nếu không bị bắt giữ thì các bị cáo sẽ cùng mọi người tiếp tục sử dụng hết, không còn mục đích nào khác. Do vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội danh khác.

[14] Đối với Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn H, D Ngọc P, Phùng Hải D là những người góp tiền cho Tr với mục đích để thanh toán tiền hát tại phòng VIP 5 quán Bảo Khánh, không biết Tr dùng số tiền này đưa cho L để đi mua ma túy, không tham gia bàn bạc, thống nhất chuẩn bị công cụ P tiện để sử dụng ma túy nên không có cơ sở để xử lý.

[15] Đối với Ngô Quang C có hành vi cất giấu 0,61 gam ma túy Cần sa mục đích để sử dụng cho bản thân; C không góp tiền, không bàn bạc, thống nhất việc mua ma túy và chuẩn bị công cụ P tiện để sử dụng ma túy tại phòng VIP 5 quán Bảo Khánh. Xét nhân thân C chưa có tiền án, tiền sự L1 quan đến ma túy, lượng ma túy Cần sa mà C cất giấu dưới 01 gam. Nguồn gốc số ma túy Cần sa này C mua của người không quen biết tại khu vực đường tàu quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Công an quận Đồ Sơn đã xử phạt hành chính đối với C bằng hình thức phạt tiền là đúng.

[16] Đối với Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn H, Phùng Hải D, D Ngọc P, Ngô Quang C, Phạm Đức T, Vũ Khắc L, Đỗ Thị H3, Bàn Thị L1, Đặng Thị P1, Cẩm Thị H3, Đỗ Thu H4 là những người sử dụng ma túy tại phòng hát VIP 5 quán Bảo Khánh và Nguyễn Thị S, Lê Thị P2 sử dụng ma túy trước đó, Công an quận Đồ Sơn đã quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền là đúng.

[17] Đối với quán Karaoke Bảo Khánh do anh Tạ Viết Long, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ dân phố Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn là người đứng tên trong Giấy phép kinh doanh quản lý, tại các phòng hát đều gắn biển báo cấm sử dụng ma túy dưới mọi hình thức; quá trình hoạt động, anh Long đã ủy quyền cho anh Vũ Minh Quý, sinh năm 1999, nơi cư trú: Tổ 2, phường Hòa Nghĩa, quận D Kinh, thành phố Hải Phòng làm quản lý mọi hoạt động của quán. Sau đó, anh Quý thuê Đỗ Văn Lượng, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ dân phố Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn quản lý quán Karaoke Bảo Khánh. Việc các đối tượng sử dụng ma túy tại phòng VIP 5 tầng 2 quán Bảo

Khánh, các anh Long, Quý, Lượng đều không biết. Công an quận Đồ Sơn đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND quận Đồ Sơn xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

[18] Đối với người đàn ông tên Huy là người giới thiệu người bán ma túy cho L, qua xác minh hiện không rõ nhân thân lai lịch của người này. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[19] Đối với người bán ma túy cho L sử dụng số điện thoại 0372.148.090, qua xác minh người đứng tên đăng ký số điện thoại này là chị Vũ Thị Tú Ngọc, sinh năm 1999, nơi cư trú: 51/29 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chị Ngọc đã đánh rơi mất sim số từ đầu năm 2019, hiện không sử dụng số điện thoại trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[20] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[21] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đoàn Đức Tr 07 (*Bảy*) năm 03 (*Ba*) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời gian tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 04-12-2019.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn Tr 1 07 (*Bảy*) năm 03 (*Ba*) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp với hình phạt 12 (*Mười hai*) tháng tù của Bản án số 74/2019/HS-ST ngày 26-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành 08 (*Tám*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời gian tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 04-12-2019.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn L 07 (*Bảy*) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời gian tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 04-12-2019.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tịch, tiêu hủy: 01 (*Một*) phong bì niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định; 01 (*Một*) đĩa sứ màu trắng; 01 (*Một*) thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel thu giữ tại phòng VIP5 quán Karaoke Bảo Khánh;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn H1 NOKIA, màu xanh và 01 (Một) điện thoại di động nhãn H1 Iphone 7 Plus, màu đen thu giữ của Phạm Văn L.

Các vật chứng trên được thể hiện trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11-8-2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đoàn Đức Tr, Phạm Văn Trl và Phạm Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết

Trần Thế Sự

Phạm Hữu Trường